TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 104/2019/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 11 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

1. Bà **Trần Thị Xuân T**, sinh năm 1980;

ĐKTT: 58 đường 23 Khu NCĐT, Khu vực 4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Lê Thanh V**, sinh năm 1982;

ĐKTT: 146/60/27 đường H, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành.

[2] Về con chung: Có 03 con chung là Lê Phương N (Nữ), sinh ngày 15/12/2011; Lê Hoàng S (Nam), sinh ngày 19/6/2013 và Lê Phương V1 (Nữ), sinh ngày 19/5/2015. Cả hai thống nhất giao cháu N, cháu S và cháu V1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông V theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông V thống nhất không có nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự tại Trung tâm Hòa giải – Đối thoại, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Xuân T và ông Lê Thanh V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phương N, sinh ngày 15/12/2011; cháu Lê Hoàng S , sinh ngày 19/6/2013 và cháu Lê Phương V1, sinh ngày 19/5/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông V theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà thống nhất không có nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình: Bà T và ông V mỗi người chịu 150.000 đồng. Ông V tự nguyện nộp thay cho bà T 150.000đồng, chuyển tiền tạm ứng lệ phí ông V đã nộp theo Biên lai thu số 000996 ngày 22/3/019 thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
-VKSND Q.N;
-Đương sự;
-UBND phường X;
-Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân.

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ